

(V/v: Giải trình về số liệu tài chính tại
BCTC năm tài chính 2017
(từ 01/4/2017 đến 31/3/2018))

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) năm tài chính 2017 (từ 01/4/2017 đến 31/3/2018) đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, Công ty xin được giải trình về sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC năm tài chính 2017 chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	74.285.126.454	73.654.343.220	-630.783.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.126.695.507	710.880.125	-415.815.382
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	73.158.430.947	72.943.463.095	-214.967.852
4. Giá vốn hàng bán	11	55.973.818.141	56.684.292.141	710.474.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	17.184.612.806	16.259.170.954	-925.441.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	346.595.718	821.606.710	475.010.992
7. Chi phí tài chính	22	6.771.499.488	6.770.270.202	-1.229.286
8. Chi phí bán hàng	25	3.525.625.490	3.140.384.264	-385.241.226
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.138.743.195	3.756.543.903	-382.199.292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.095.340.351	3.413.579.295	318.238.944
11. Thu nhập khác	31	1.001.752.271	993.800.896	-7.951.375
12. Chi phí khác	32	100.407.552	84.902.577	-15.504.975
13. Lợi nhuận khác	40	901.344.719	908.898.319	7.553.600
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.996.685.070	4.322.477.614	325.792.544
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	420.407.248	594.669.043	174.261.795
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	3.576.277.822	3.727.808.571	151.530.749

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Giảm 630.783.234 đồng là do

- Điều chỉnh trình bày các khoản giảm trừ doanh thu 415.815.382 đồng gồm: Chiết khấu thương mại (203.808.779 đồng) và Hàng bán trả lại của Công ty con trả lại Công ty mẹ (212.006.603 đồng).
 - Điều chỉnh trình bày thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ ở khâu nhập khẩu: 140.200.626 đồng.
 - Điều chỉnh giảm doanh thu nội bộ của hàng hóa khuyến mại có điều kiện: 74.767.226 đồng.
2. **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 415.815.382 đồng là do điều chỉnh chiết khấu thương mại và hàng bán trả lại không trình bày là các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại (203.808.779 đồng) và Hàng bán trả lại của Công ty con trả lại Công ty mẹ (212.006.603 đồng).
 3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 214.967.852 đồng là do ảnh hưởng của 2 chỉ tiêu trên.
 4. **Giá vốn hàng bán:** Tăng 710.474.000 đồng do:
 - Bổ sung giá vốn thành phẩm tính thiếu: 400.000.000 đồng.
 - Điều chỉnh chi phí vận chuyển siro nho từ TK 641 “Chi phí bán hàng” sang TK 632 “Giá vốn hàng bán”: 310.474.000 đồng.
 5. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 925.441.852 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của các chỉ tiêu trên.
 6. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng 475.010.992 đồng do:
 - Điều chỉnh giảm: Giảm 8.782.886 đồng bù trừ doanh thu tài chính và chi phí tài chính giữa Văn phòng và Cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
 - Điều chỉnh tăng từ lãi đầu tư vào Công ty con: 483.793.878 đồng.
 7. **Chi phí hoạt động tài chính:** Giảm 1.229.286 đồng do:
 - + Điều chỉnh tăng:
 - Hạch toán bổ sung lỗ do chênh lệch tỷ giá (7.429.595 đồng) và các khoản chi phí khác (124.005 đồng).
 - + Điều chỉnh giảm: Giảm phần lãi vay Văn phòng tính cho Cửa hàng kinh doanh tổng hợp: 8.782.886 đồng.
 8. **Chi phí bán hàng:** Giảm 385.241.226 đồng do:
 - Điều chỉnh chi phí vận chuyển siro nho từ TK 641 “Chi phí bán hàng” sang TK 632 “Giá vốn hàng bán”: 310.474.000 đồng.
 - Điều chỉnh giảm chi phí khuyến mại có điều kiện: 74.767.226 đồng.
 9. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 382.199.292 đồng do:
 - + Hạch toán bổ sung chi phí khấu hao: 3.000.000 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm chi phí thuê đất kỳ 1 tại 89 Lạc Long Quân: 385.199.292 đồng.

10. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 318.238.944 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
11. **Thu nhập khác:** Giảm 7.951.375 đồng do bù trừ thu nhập, chi phí thanh lý TSCĐ.
12. **Chi phí khác:** Giảm 15.504.975 đồng do:
- Bù trừ thu nhập, chi phí thanh lý TSCĐ: 7.951.375 đồng.
 - Hạch toán bổ sung lỗ do chênh lệch tỷ giá: 7.429.595 đồng.
13. **Lợi nhuận khác:** Tăng 7.553.600 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.
14. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Tăng 325.792.544 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
15. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Tăng 174.261.795 đồng là do hạch toán thiếu thuế TNDN và do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”.
16. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Tăng 151.530.749 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	74.911.301.055	74.276.377.845	-634.923.210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.019.375.607	716.367.807	-1.303.007.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	72.891.825.448	73.560.010.038	668.184.590
4. Giá vốn hàng bán	11	55.787.093.160	57.384.759.576	1.597.666.416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	17.104.832.288	16.175.250.462	-929.581.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	347.035.961	338.253.075	-8.782.886
7. Chi phí tài chính	22	6.781.996.881	6.780.767.595	-1.229.286
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		69.977.761	69.977.761
9. Chi phí bán hàng	25	3.073.862.585	2.684.855.764	-389.006.821
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.365.297.024	3.983.097.732	-382.199.292
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.230.711.759	3.134.760.207	-95.951.552
12. Thu nhập khác	31	1.001.752.271	993.800.896	-7.951.375
13. Chi phí khác	32	100.857.846	85.352.871	-15.504.975



14. Lợi nhuận khác	40	900.894.425	908.448.025	7.553.600
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.131.606.184	4.043.208.232	-88.397.952
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	447.459.540	621.578.390	174.118.850
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.684.146.644	3.421.629.842	-262.516.802

BCTC hợp nhất của Công ty được tổng hợp từ BCTC công ty mẹ và 02 Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long). Vì vậy, sự thay đổi của các chỉ tiêu tương ứng của BCTC Công ty mẹ và BCTC Công ty con sẽ ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất. Cụ thể:

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 634.923.210 đồng do:
 - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm doanh thu: 630.783.234 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu nội bộ của hàng khuyến mại phát sinh ở Công ty con 3.765.597 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm doanh số của Công ty con do hạch toán sai (Chiết khấu thương mại năm 2016 cho hệ thống siêu thị Satra): 374.379 đồng
2. **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 1.303.007.800 đồng là do:
 - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm chiết khấu bán hàng: 415.815.382 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm hàng bán trả lại hạch toán tăng TK 632 “Giá vốn hàng bán” giữa Công ty mẹ và Công ty con: 887.192.418 đồng.
3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 668.184.590 đồng do ảnh hưởng của 02 chỉ tiêu trên.
4. **Giá vốn hàng bán:** Tăng 1.597.666.416 đồng do:
 - + Điều chỉnh tăng:
 - Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán: 710.474.000 đồng.
 - Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán từ TK 531 “Hàng bán trả lại” giữa Công ty mẹ và Công ty Con: 887.192.418 đồng.
5. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 929.581.826 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
6. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm 8.782.886 đồng do:
 - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh tăng doanh thu hoạt động tài chính: 475.010.992 đồng.
 - + Loại trừ lợi nhuận của Công ty con năm 2016 chuyển về Công ty mẹ trong năm 2017: 483.793.878 đồng.

7. **Chi phí hoạt động tài chính:** Giảm 1.229.286 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
8. **Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết:** Tăng 69.3977.761 đồng do hạch toán bổ sung lãi của hoạt động liên kết.
9. **Chi phí bán hàng:** Giảm 389.006.821 đồng là do:
 - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm chi phí bán hàng: 385.241.226 đồng.
 - Điều chỉnh giảm giá vốn của hàng khuyến mại Công ty con: 3.765.595 đồng.
10. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 382.199.292 đồng là do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
11. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Giảm 95.951.552 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
12. **Thu nhập khác:** Giảm 7.951.375 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
13. **Chi phí khác:** Giảm 15.504.975 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
14. **Lợi nhuận khác:** Tăng 7.553.600 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.
15. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Giảm 88.397.952 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
16. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Tăng 174.118.850 đồng là do:
 - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, tăng 174.261.795 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm thuế TNDN của Công ty con: 142.945 đồng.
17. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Giảm 262.516.802 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

Trên đây là toàn bộ giải trình về chênh lệch trên BCTC năm tài chính 2017 (từ 01/4/2017 đến 31/3/2018) chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2017 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:.

- Như trên;
- Lưu P.TC-HC, P.TC-KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Xuân Hà